TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/9/2019.
"V/v xin ly hôn,tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Dương Văn Đến .

2.Ông Huỳnh Ngọc Song.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, về việc: " xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Sơn Thị Ngọc L, sinh năm 1979.

Địa chỉ : ấp Cổ T B, xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Lâm Quốc C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Cổ T B, xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Lâm Thị Ngọc L, sinh ngày 08/11/2002 (xin xét xử vắng mặt).
- Cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/7/2011 (xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Cổ T B, xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/4/2019, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc L trình bày: Trước đây vào năm 2002 chị với anh Lâm Quốc C tự tìm hiểu quen biết nhau sau đó dẫn đến cưới nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2002. Trong qúa trình sống chung chị với anh C có 02 đứa con chung tên cháu Lâm Thị Ngọc L, sinh ngày 08/11/2002, và cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/7/2011, về tài sản, nợ chung, không có, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn là do tánh tình không hợp nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, anh C thường xuyên bỏ nhà đi hơn một năm nay không lo làm ăn và đã ly thân.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể sống chung với nhau được nữa, hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị làm đơn xin ly hôn anh Lâm Quốc C, về con chung chị xin được tiếp tục nuôi 02 cháu Lâm Thị Ngọc L, sinh ngày 08/11/2002, và cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/7/2011, vì 02 cháu hiện đang sống chung với chị, chị không có yêu cầu anh C phụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: có nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Sơn Thị Ngọc L bận công việc làm ăn, chị không tiện đến tham dự phiên tòa được, nên làm đơn yêu cầu xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử .

Bị đơn anh Lâm Quốc C: Tòa án có triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh C cố tình vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: cháu Lâm Thị Ngọc L, và cháu Lâm Thị Ngọc H các cháu đều trình bày sau khi cha mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng sống với mẹ, do bận đi học nên hai cháu có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 8 năm 2019 của bà Thạch Thị H là mẹ ruột anh Lâm Quốc C trình bày: Trước đây vào năm 2002 bà đứng ra cưới Sơn Thị Ngọc L cho con bà là Lâm Quốc C, sau ngày cưới hai vợ chồng C về sống chung với bà được một thời gian sau đó ở riêng, theo bà biết C và L sống với nhau được 02 đứa con, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn là do C đi theo người phụ nữ khác hơn một năm nay ít khi về nhà, và từ đó đến nay chúng nó sống ly thân nhau, theo bà biết tài sản của vợ chồng C có 03 chiếc xe hon da và 01 căn nhà, về nợ nghe thiếu nhưng không biết thiếu ai ở đâu bao nhiêu.

Còn việc Ngọc L xin ly hôn với Quốc C thì bà nghĩ chúng nó đã ly thân hơn 01 năm nên khả năng hàn gắn đoàn tụ không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 70;71;72, Điều 97, Điều 177; 196, các Điều 203; 205; 208; 209;210; 211; 220; 239;240;243;247;249;250 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm

nghị án, nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc L đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Lâm Quốc C thì không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sơn Thị Ngọc L, cho chị L được ly hôn với anh Lâm Quốc C, về con chung do 02 cháu Lâm Thị Ngọc L, và cháu Lâm Thị Ngọc H có nguyện vọng sống chung với mẹ, từ đó nên giao cho chị L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, về tài sản, nợ chung có, nhưng chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Chị Sơn Thị Ngọc L và anh Lâm Quốc C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, sau đó có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 24 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung chị L với anh C có 02 con chung tên cháu Lâm Thị Ngọc L, sinh ngày 08/11/2002, và cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/7/2011, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tánh tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác không lo làm ăn, không về nhà, hai người đã sống ly thân nhau hơn 01 năm.

[2]Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, trong thời gian ly thân anh C bỏ mặt chị L, và không lo cho các con, không quan tâm đến chị, còn đi sống với người phụ nữ khác như vợ chồng, nên khả năng đoàn tụ là không có, chị L làm đơn xin được ly hôn với anh Lâm Quốc C, về con chung 02 đứa chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu Lâm Thị Ngọc L và cháu Lâm Thị Ngọc H, không có yêu cầu anh C phụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung, có nhưng chị L có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Đối với anh Lâm Quốc C Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần hai nhưng anh không đến Tòa để trình bày cũng như ý kiến trong cuộc hòa giải, và dự phiên tòa để nêu lên ý kiến nguyện vọng của mình, anh không có mặt xem như anh từ bỏ quyền này của anh.

[4]Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau nuôi con chung và chia sẻ những khó khăn vất vã trong cuộc sống, và các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai người sống với nhau có được 02 đứa con chung, anh C bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác không phụ nuôi con chung và không xây dựng hạnh phúc gia đình, mà bỏ mặt cho chị tự nuôi con, xét thấy anh C không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Hiện nay chị L đã xác định vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng

không còn, nên chị Sơn Thị Ngọc L quyết định xin ly hôn với anh Lâm Quốc C là có cơ sở.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị Sơn Thị Ngọc L với anh Lâm Quốc C không đạt được, không có khả năng đoàn tụ sống chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu của chị Sơn Thị Ngọc L xin ly hôn với anh Lâm Quốc C.

[5]Về con chung: chị Sơn Thị Ngọc L xin được nuôi 02 con chung, và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Thị Ngọc L và cháu Lâm Thị Ngọc H, nên căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Sơn Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị L không có yêu cầu anh C phụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, và nợ chung: chị Sơn Thị Ngọc L trình bày có nhưng không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]Án phí: chị Sơn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: các Điều 19;56;69;81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sơn Thị Ngọc L .

Cho chị Sơn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Lâm Quốc C.

Về con chung: chị Sơn Thị Ngọc L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên cháu Lâm Thị Ngọc L, sinh ngày 08/11/2002, và cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/7/2011, anh Lâm Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi các con, do chị Sơn Thị Ngọc L không yêu cầu. Anh Lâm Quốc C được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cấm.

Nợ chung, tài sản chung: chị Sơn Thị Ngọc L khai có nhưng không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Sơn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001896 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T. Nên chị L không phải nộp thêm tiền án phí.

Anh Lâm Quốc C không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu T;
- Chi cục THADS huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm